

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2018/KDTM-ST

Ngày: 19-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Yến Nhi

Ông Phạm Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 19-11-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-KDTM ngày 04-5-2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4569/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11-9-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4919/2018/QĐST-KDTM ngày 03-10-2018, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ
Địa chỉ trụ sở: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị L, sinh năm 1975, địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 05/2017/UQ-ĐT ngày 20-3-2017)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ trụ sở: Đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Tổng Thị Thu N, sinh năm 1993, địa chỉ: Đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 026-18/UQ-DC ngày 06-6-2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2017 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Cao Thị L đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần X có ký Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, nội dung: Số lượng – giá cả theo Đơn đặt hàng tại từng thời điểm có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên.

Hai bên ký Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015 và Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015, nội dung: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng và nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán, bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn 100% trị giá số hàng hóa đã nhận; Nếu hết thời hạn nêu trên mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn thì kể từ ngày thứ 61 trở đi bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng BIDV.

Tính đến ngày 19-11-2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn 3.848.034.285 đồng nợ gốc, gồm:

Công trình Đất Xanh A3 (Sunview):

- 925.858.285 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 23-5-2014, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 05-6-2014, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 ngày 05-6-2014. Bị đơn đã thanh toán 923.858.285 đồng, bị đơn xác nhận còn nợ 2.000.000 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016).

Công trình Điện phân nhôm Đắc Nông:

- 411.890.380 đồng theo Báo giá thép xây dựng ngày 04-5-2015, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 11-5-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000220 ngày 22-5-2015;

- 737.632.610 đồng theo Đơn đặt hàng số FP08 ngày 26-10-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 27-10-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000804 ngày 31-10-2015.

Bị đơn xác nhận còn nợ tổng cộng là 1.149.522.990 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016).

Công trình Vinmec Nha Trang:

- 268.956.160 đồng theo Đơn đặt hàng số FP08 ngày 16-7-2015, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 17-7-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438 ngày 24-7-2015. Bị đơn đã thanh toán 68.956.160 đồng ngày 05-02-2016, bị đơn xác nhận còn nợ 200.000.000 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016).

Công trình Gain Lucky – Tây Ninh:

- 1.677.557.255 đồng theo Đơn đặt hàng ngày 14-8-2015, Báo giá thép xây dựng ngày 12-8-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 12-8-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000528 ngày 18-8-2015;

- 410.029.455 đồng theo Đơn đặt hàng ngày 05-9-2015, Báo giá thép xây dựng ngày 04-9-2015, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 05-9-2015, Hóa đơn

giá trị gia tăng số 0000596 ngày 07-9-2015.

Bị đơn xác nhận còn nợ 2.087.586.710 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016). Ngày 15-01-2018, bị đơn đã thanh toán 1.000.000.000 đồng, còn nợ 1.087.586.710 đồng.

Công trình Trung tâm Triển lãm Q2:

- 1.385.047.015 đồng theo Đơn đặt hàng ngày 27-8-2015, Báo giá thép xây dựng ngày 26-8-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 31-8-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000589 ngày 31-8-2015;

- 1.168.917.497 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 24-02-2015, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 15-3-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001232 ngày 15-3-2016;

- 1.214.961.605 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 05-4-2016, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 06-4-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001296 ngày 06-4-2016;

Bị đơn xác nhận còn nợ 1.385.047.015 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016). Ngày 07-10-2016, bị đơn đã thanh toán hết tiền mua hàng của công trình này.

Công trình Điện Gió Bạc Liêu:

- 1.732.350.620 đồng và 689.040 đồng theo Đơn đặt hàng ngày 28-9-2015, Báo giá thép xây dựng ngày 23-9-2015, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 02-10-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000686 ngày 03-10-2015 và số 0000735 ngày 17-10-2015. Bị đơn đã thanh toán 733.039.660 đồng ngày 07-4-2016, bị đơn xác nhận còn nợ 1.000.000.000 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016).

Công trình Cityland Gò Vấp (Center Hill):

- 636.898.592 đồng theo Đơn đặt hàng ngày 26-11-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 27-11-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000913 ngày 28-11-2015;

- 634.912.080 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 08-12-2015, Báo giá thép xây dựng ngày 08-12-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 09-12-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000965 ngày 10-12-2015;

- 646.280.855 đồng theo Báo giá thép xây dựng ngày 25-01-2016, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 27-01-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001104 ngày 16-01-2016;

- 108.924.585 đồng theo Báo giá thép xây dựng ngày 01-3-2016, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 01-3-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001202 ngày 03-3-2016.

Bị đơn đã thanh toán 634.912.080 ngày 02-02-2016; 286.898.592 đồng ngày 09-3-2016; 350.000.000 đồng ngày 28-3-2016; 246.280.855 đồng ngày 26-4-2016; 100.000.000 đồng ngày 17-5-2016. Bị đơn xác nhận còn nợ

408.924.585 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016).

Chung cư Bộ Công an:

- 1.290.312.430 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 01-12-2015, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 01 và ngày 02-12-2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000960 ngày 07-12-2015;

- 678.047.986 đồng theo Báo giá thép xây dựng ngày 13-01-2016, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 14 và ngày 15-01-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001137 ngày 27-01-2016;

- 362.722.690 đồng theo Đơn đặt hàng số FP08 ngày 04-4-2016, Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 06-4-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001295 ngày 06-4-2016;

- 1.411.752.870 đồng theo Đơn đặt hàng số FPD08 ngày 07-5-2016, các Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 07 và ngày 09-5-2016, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001478 ngày 06-6-2016.

Bị đơn xác nhận còn nợ 1.154.936.926 đồng (Theo Công nợ đến ngày 24-8-2016). Ngày 29-9-2016, bị đơn đã thanh toán hết tiền mua hàng của công trình này.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 3.848.034.285 đồng tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015 và 1.625.542.124 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 19-11-2018 theo lãi suất 10,5%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày thứ 61 kể từ ngày bị đơn ký nhận hóa đơn đối với 09 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438, số 0000913, số 0000965, số 0000804, số 0000528, số 0000596, số 0000589, số 0000686, số 0000735 và từ ngày thứ 61 kể từ ngày cuối cùng của tháng kê khai thuế đối với 10 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255, số 0000220, số 0001232, số 0001296, số 0001104, số 0001202, số 0000960, số 0001137, số 0001295, số 0001478. Tổng cộng tiền lãi của 19 hóa đơn tính đến ngày 19-11-2018 là 1.625.542.124 đồng.

Bà Tổng Thị Thu N là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 3.848.034.285 đồng tiền gốc theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015. Bị đơn không thừa nhận tất cả 19 hóa đơn do người không có thẩm quyền của bị đơn ký nhận chứng từ, tuy nhiên, do phiên tòa đã kéo dài nhiều ngày nên bị đơn thừa nhận Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438 ngày 24-7-2015 bị đơn ký nhận ngày 29-7-2015; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000913 ngày 28-11-2015 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000965 ngày 10-12-2015 bị đơn ký nhận ngày 17-12-2015. Đối với các hóa đơn còn lại bị đơn không thừa nhận và đề nghị tính tiền lãi từ ngày thứ 61 kể từ ngày cuối cùng của tháng kê khai thuế. Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty Cổ phần X có trụ sở chính tại Đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 3.848.034.285 đồng tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015:

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định hai bên có ký kết và thực hiện các Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015; các hóa đơn giá trị gia tăng, chi tiết giao dịch và công nợ đến ngày 24-8-2016; Hợp đồng mua bán số 119/2017/HĐMB/DCC-DT ngày 12-12-2017 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17-01-2018. Đồng thời, tại phiên tòa, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 3.848.034.285 đồng nợ gốc của các hợp đồng trên. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 50 và khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 3.848.034.285 đồng tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.625.542.124 đồng tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 19-11-2018 theo lãi suất 10,5%/năm:

[5] Theo Văn bản số 260/TB/TĐ-KHKD ngày 17-4-2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô, Văn bản số 3371/CNTPHCM-KHTH ngày 10-8-2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 5485/CV-HCM.TH ngày 07-9-2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13,15%/năm. Xét thấy, lãi suất 10,5%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015 nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để chấp nhận, tuy nhiên cần điều chỉnh lại ngày bắt đầu tính tiền lãi như sau:

[7] Đối với 03 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438, số 0000913 và số 0000965, ngày bắt đầu tính tiền lãi là ngày thứ 61 kể từ ngày bị đơn ký nhận trên hóa đơn.

[8] Đối với các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255, số 0000220, số 0000804, số 0000528, số 0000596, số 0000589, số 0001232, số 0001296, số 0000686, số 0000735, số 0001104, số 0001202, số 0000960, số 0001137, số 0001295, số 0001478 thì ngày bắt đầu tính tiền lãi là ngày thứ 61 kể từ ngày cuối cùng của tháng kê khai thuế theo Văn bản số 11670/CT-KT4 ngày 06-11-2018 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Do đó, tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 19-11-2018, theo mức lãi suất 10,5%/năm là 1.559.937.441 đồng.

[10] Xét bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi do bị đơn đang gặp khó khăn, nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.280.234 đồng tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.407.972 đồng tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ

Buộc Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ 3.848.034.285 đồng tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 02-6-2014, Hợp đồng nguyên tắc ngày 03-4-2015, Phụ lục hợp đồng ngày 29-12-2015 và 1.559.937.441 đồng tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 19-11-2018.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.280.234 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 56.896.475 đồng theo biên lai số AA/2016/0019288 ngày 23-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí

Minh; hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ số tiền chênh lệch là 53.616.241 đồng.

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.407.972 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm